

Vai trò những Kỳ kết tập kinh điển trong lịch sử Phật giáo

ISSN: 2734-9195 09:24 02/06/2025

Các kì kết tập đóng vai trò vô cùng quan trọng vô cùng cần thiết để tồn tại Phật Pháp lâu dài ở thế gian, nó như là gia tài của đức Phật để lại sau khi Ngài vào cõi tịch tĩnh vô dư Niết-bàn.

Tác giả: **Thích nữ Quảng Nhật**

Học viên cao học Khóa 2, chuyên ngành Triết học Phật giáo

Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

1. Dẫn nhập

Trong kinh Tương Ưng, phẩm Trưởng lão đức Phật dạy tỳ kheo Vakkali “*Ai thấy Pháp, người ấy thấy Ta. Ai thấy Ta, người ấy thấy Pháp. Nay Vakkali, đang thấy Pháp là thấy Ta. Đang thấy Ta là thấy Pháp*”. Lại trong kinh Di Giáo nói trước khi đức Phật sắp nhập diệt Người đã dặn dò các hàng đệ tử: “*Các thầy tỳ kheo sau khi Như Lai diệt độ, các thầy phải trân trọng tôn kính tịnh giới, như mù tối mà được mắt sáng, nghèo nàn mà được vàng ngọc. Phải biết tịnh giới là đức thầy cao cả của các thầy. Nếu Như Lai ở đời thì cũng không khác gì tịnh giới vậy*”.

Pháp và Giới ấy được đức Thế Tôn đề cập ở trên chính ở trong Tam Tạng kinh điển. Đó là Gia tài Pháp bảo, là con đường giác ngộ và giải thoát mà đức Thế Tôn về cõi Vô Dư tịch tĩnh để lại cho cõi nhân gian này. Dấu ấn lịch sử vàng son còn ghi lại những lời dạy của Phật qua các kì kết tập kinh điển do các vị Thánh Tăng chủ trì.

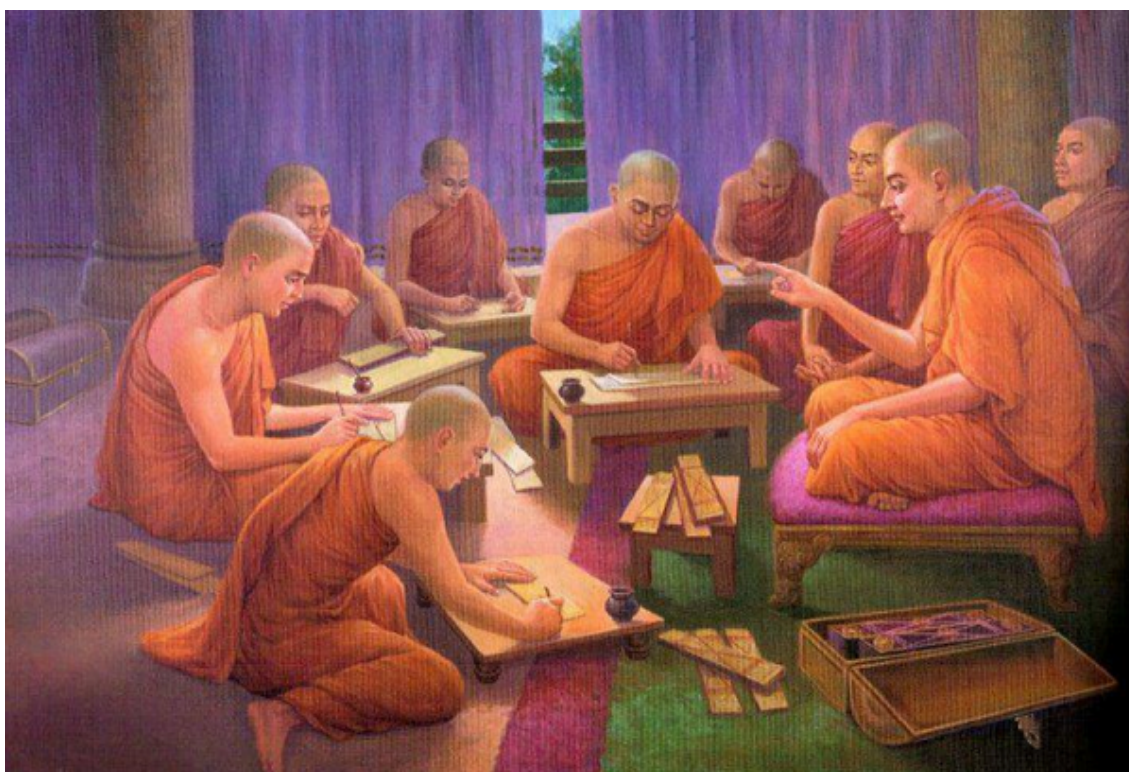
Trải qua các kì kết tập, đều có nguyên nhân, động cơ để đi đến mỗi lần kết tập và mỗi lần triệu hội kết tập đều đóng góp một vai trò sứ mệnh để hoàn thiện lời dạy đức Phật trong Ba Tạng: Kinh, Luật và Luận. Từ nguyên nhân ban đầu khi đức Phật nhập diệt không bao lâu Tỳ kheo Subbhadda tỏ ra vui mừng và tuyên bố: “*Thôi đủ rồi thưa các ngài, đừng có than khóc thảm thiết nữa! Nay chúng ta đã thoát khỏi sự kiềm chế của đại Sa-môn. Chúng ta sẽ không còn bị Đại Sa-môn làm bực mình bằng việc nói rằng cái này hợp với các người, cái này không*

hợp với các người. Nhưng nay chúng ta có thể làm bất cứ gì chúng ta thích, và những gì không thích chúng ta sẽ không làm”.

Ngài Mahakassapa đã nghe được những lời này, và cùng với nỗi mất mát lớn lao trong Tăng đoàn; với vai trò là người sẽ gánh vác trách nhiệm Phật pháp, Ngài đã quyết định triệu tập kì kết tập lời Phật dạy, và đây là nền tảng đầu tiên cho sự hình thành tạng pháp bảo về sau này.

Pháp là minh chứng cho những gì Phật dạy, là nguồn sữa quý nuôi dưỡng tăng thân. Nếu không có Pháp thì Tam Bảo thế gian không thể hình thành. Đó là những bộ kinh chứa đựng những gì đức Phật đã dạy suốt trong 45 năm truyền giáo, gồm những giáo lý căn bản như Tứ diệu đế, Duyên khởi, Vô ngã...

Các nhà nghiên cứu Phật học, các Sử gia đều coi Kinh tạng Nguyên thủy là tài liệu đáng tin cậy nhất và gần gũi nhất để xác định những gì mà đức Phật tuyên thuyết. Như vậy điều kiện tối cần quan trọng không thể thiếu chính là những kì kết tập ban sơ này. Đặc điểm, nội dung của các kì kết tập là gì? Và mang ý nghĩa và vai trò như thế nào đối với Kinh Tạng Phật giáo Nguyên thủy? Đây là vấn đề mà con chọn làm đề tài tiểu luận để nguyên cứu tìm hiểu.



Ảnh minh họa (sưu tầm).

2. Những kì kết tập kinh điển Phật giáo

2.1. Kì kết tập kinh điển lần thứ nhất

Trên đường trở về thành Câu-thi-na khi biết đức Phật đã nhập diệt, trước nỗi mất mát lớn lao ấy Ngài Đại Ca-diếp cũng chứng kiến được thái độ và cách hành xử chư vị Tỳ-kheo cùng bộ hành hôm đó, đặc biệt là phát ngôn của Tỳ kheo Subbhadda đây như là động cơ, nguyên nhân đưa đến kì kết tập này. Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn 3 tháng, một đại hội được triệu tập để tụng đọc lại những lời đức Phật dạy nhằm giữ gìn kho tàng pháp bảo.

Dưới sự chủ trì của Ngài Mahakassapa, Trưởng lão Upàli đã từng được đức Phật tuyên dương trước đại chúng là đệ nhất về trí luật và đã thông thạo những điều giới luật đức Phật đã đặt ra, về thời gian, địa điểm và đối tượng phạm giới lúc Phật còn tại thế, cho nên Ngài được chọn là vị trả lời những câu hỏi của ngài Mahakassapa. Trưởng lão Ananda vốn đệ tử đa văn đệ nhất, am tường những bài thuyết của đức Thế Tôn trong suốt 45 năm, do đó Chư Thánh Tăng chọn Đại đức làm vị đáp về Kinh tạng lẫn Vi Diệu tạng.

Phương pháp kết tập: Trước tam vị tuyên ngôn xác định vai trò và vị trí của mình trong cuộc kết tập mà được Chư Thánh hiền tăng đã chọn lựa, ngài Mahakassapa lần lượt nêu từng điều luật tỉ mỉ và chi tiết hỏi Tôn giả Upàli về nguyên nhân thế nào Thế Tôn cấm chế điều luật này? Ai phạm? Điều phụ chế của điều luật ấy thế nào? Thế nào là sự phạm tội trong những điều luật này?

Ngài Upàli căn cứ trên những câu hỏi ấy mà đáp một cách rành mạch, theo thứ lớp. Mỗi câu trả lời của Ngài Upàli, Chư Thánh Tăng cùng tụng lại điều luật ấy. Nếu không thấy sự lầm lẫn gì trong câu đáp, các Ngài nhất trí nhau tuyên bố rằng đây là điều luật Thế Tôn cấm chế và ban hành. Phần Kinh tạng cũng như vậy, Ngài Mahakassapa cũng vấn đáp với Tôn giả Ananda về nguyên nhân nào mà Thế Tôn thuyết bài kinh này? Địa điểm ở đâu? Đối tượng thuyết giảng là ai? Nội dung của từng bài kinh là gì? Đại đức Ananda trả lời xong, rồi Chư Tăng bắt đầu cùng nhau tụng lại và xác nhận đây là lời của Thế Tôn. Cách thức như vậy cho đến phần Kinh tạng, đồng thời trong kỳ kết tập này các Ngài cũng phân ra bốn bộ Nikàya và Luật tạng Patimokka và Kiền độ. Cuộc kết tập này kéo dài bảy tháng mới hoàn thành.

Sau cuộc kết tập, Đại đức Ananda có bạch với Chư Thánh Tăng rằng lúc Như Lai sắp sửa viên tịch, Ngài có dạy: có thể bỏ bớt những giới học nào không quan trọng. Ngài Mahakassapa hỏi Đại đức Ananda học giới nào là không quan trọng, Tôn giả đã không thể trả lời vì lí do lúc Đạo sư Niết-bàn, Đại đức quá bận rộn nên không hỏi điều đó.

Ngài Mahakassapa với tư cách là chủ tọa đã tuyên trước Chư Thánh Tăng về vấn đề giới luật vì rất quan trọng liên quan đến đời sống của sa môn, nhưng Thế Tôn trước khi viên tịch không nói rõ điều nào không quan trọng nên từ nay về sau

không thêm mà cũng đừng bớt học giới nào mà Thế Tôn đã chế định, cứ vậy mà thực hành.

Về phần Luận tạng Abhidhamma Pitaka cũng đã hình thành các đề mục luận gọi là Mẫu Đề Tổng Quát (Matikas) của Vi Diệu Pháp được Ngài Ananda tụng đọc như một phần của Kinh tạng. Ngôn ngữ sử dụng trong kì kết tập này là tiếng Magandhi bởi tất cả thành viên trong kì kết tập đều là những người vừa mới học giáo pháp từ chính đức Phật.

Trong kì kết tập này có đề cập đến vấn đề Ngài Ananda do chưa chứng thánh quả nên không được ngài Mahakassapa cho tham dự nhưng vì vai trò của Trưởng lão Ananda với lời Phật dạy là rất lớn nên Hội đồng xét duyệt cho Ngài song sau đó thì Ngài cũng đã nỗ lực thực hành Chính pháp và đã chứng quả A-la-hán trước ngày diễn ra kì kết tập.

Trước cả hội đồng Ngài Mahakassapa đã vấn nạn lỗi liên quan đến Ngài Ananda: xin Phật cho người nữ xuất gia; khi Phật khát nước, dạy đi lấy nước đem bát không về; không thỉnh Phật trụ thế dài lâu ở thế gian; không thưa Phật lỗi nào nhỏ nhặt trong giới cần bỏ; giẫm lên đại y của đức Phật khi may vá; cho người nữ xem và làm bẩn kim thân lúc Phật Niết-bàn.

Những vấn nạn đều có lí do, Ngài Ananda đã lần lượt giải thích và vì kính trọng lời dạy của vị chủ tọa nên đều sám hối tất cả theo yêu cầu của Trưởng lão Mahakassapa. Thêm một nhân vật được nêu tội ở đây là Chanda- người hầu cận lúc đức Phật còn là thái tử vì Ông chấp vào có công hầu Phật nên ngã mạn tự cao, Chư vị Thánh Tăng đã dùng biện pháp mặc tẩn. Chanda đã nhận ra lầm lỗi, hối hận và sửa đổi về sau chứng được Thánh quả.

Kì kết tập cũng khuyến khích bố tát mỗi nửa tháng, nó được bàn đến và đặt nặng bởi lẽ đây là sinh hoạt tâm linh không thể thiếu và không thể xem thường để Tăng đoàn sự đoàn kết và nội lực trong tăng đoàn tạo nên sức mạnh bảo vệ ngôi nhà Tam Bảo. Sự hòa hợp của Chư Tăng trong Giới và Luật thì Phật Pháp sẽ hưng thịnh.

Sau khi việc trùng tuyên vừa kết thúc, Trưởng lão Purana và 500 tỳ kheo đến dự đại hội ngay khi việc trùng tuyên vừa kết thúc, trong Tứ Phần Luật đã nêu thêm tám học giới liên quan đến vấn đề thực phẩm vào trong Luật tạng vì Ngài Purana đã nghe từ chính kim khẩu của đức Phật dạy nhưng vấn đề của Trưởng lão không được ghi nhận để sửa đổi vì tất cả lời Phật dạy đã được Hội đồng Chư Thánh Tăng yết ma thông qua.

2.2.Kì Kết tập kinh điển lần thứ hai

Liên quan đến kì kết tập này có hai thuyết với hai quan điểm khác nhau là nguyên nhân dẫn đến kì kết tập: Thuyết thập phi pháp sự do các Tỳ-kheo người Bạt-kỳ (Vajji) thuộc thành Tỳ-xá-ly (Vesaly) liên hệ đến giới luật và thuyết La hán ngũ sự do Đại Thiên (Mahadeva) chủ trương liên hệ đến giáo lý kết quả đi đến sự phân chia Tăng đoàn thành hai truyền thống Thượng Tọa Bộ (Theravada) và Mahasanghika.

Trong Tiểu Phẩm quyển II (Cullavagga) và Tứ Phần Luật chỉ đề cập đến thuyết Thập phi pháp sự. Theo Cullavagga, đại hội diễn ra vào khoảng một thế kỉ sau ngày Đức Phật nhập Niết-bàn do chúng Tỳ-kheo ở Bạt-kỳ đề xướng và áp dụng mười vấn đề liên hệ đến đạo đức của Tỳ-kheo không phù hợp với Giới bốn Patimokkha.

Ngài Yassa một chuyên gia luật sư về luật tạng đến từ Kosambi Ngài đến tại giảng đường tinh xá Mahavana (Đại Lâm), chứng kiến cảnh những tỳ kheo khất tiền từ những cư sĩ và Ngài đã hoàn toàn phản đối điều đó. Sau khi những Phật tử cư sĩ cúng dường bằng tiền cho các tỳ kheo, các tỳ kheo đem về cuối ngày chia nhau số tiền họ chia một phần cho Ngài Yassa nhưng Ngài không nhận và quở trách những tỳ kheo phạm tội thì họ ra mặt phê bình khiển trách ngược lại Ngài Yassa.

Sau đó nhóm tỳ kheo đã trục xuất Ngài ra khỏi tăng đoàn. Ngài Yasa đã đến Kosambi và cử người đưa tin đến gặp những tỳ kheo ở những xứ miền Tây ở Avanti và ở miền Nam để kêu gọi sự ủng hộ của họ trong việc ngăn chặn sự thoái hóa trong tôn giáo và bảo vệ giáo Luật.

Sau đó, Ngài đi đến đồi Ahoganga ở Thượng Lưu sông Hằng để thỉnh giáo với trưởng lão Sambhuta Sanavasi ở thành Mathura rồi tháp tùng với 60 tỳ kheo miền tây Pava và 88 tỳ kheo ở miền Nam Avanti. Trưởng lão Sambhuta Sanavasi khuyên họ đến thỉnh giáo với trưởng lão ra Revata ở xứ Soreyya một cao tăng rất nổi tiếng vì lòng mộ đạo và sự uyên bác. Ngài Yassa đã trình bày với Trưởng lão Revata và xin Ngài cho biết ý kiến về vấn đề 10 điều đã nói trên, trưởng lão Revata tuyên bố tất cả những điều đó đều là vi phạm giới luật.

Mặc dù bên các tỳ-kheo ở Vajjis đã tìm nhiều cách để thân gần tặng quà cáp cho Trưởng lão Revata để nhận được sự ủng hộ của Ngài nhưng không thành công. Theo ghi chú trong quyển Mahavamsa sau khi phân xử 10 điều này, Ngài Revata đã chọn ra 700 vị A-la-hán để chủ trì hội đồng kết tập thứ hai (trong đó Ngài Revata, Trưởng lão Sabbhakami và 8 vị Trưởng lão khác đều là đệ tử của Ngài Ananda và Ngài A-na-luật), với nỗ lực ngăn chặn những thoái hóa tôn giáo trong Tăng đoàn.

Hội đồng kết tập làm việc liên tục trong 8 tháng để tụng đọc trùng tuyên tất cả giáo pháp và giáo luật để đảm bảo chắc chắn những giáo lý đích thực của đức Phật được bảo tồn và truyền bá cho những thế hệ tương lai. Nội dung mười điều phi pháp dẫn đến việc Kết tập lần hai:

Singilonakappa: Được phép cất chứa muối trong sừng để dùng những lúc cần thiết phạm Ba-dật-đề (Pacittiya 38) cấm tích trữ lương thực.

Dvangulakappa: Được phép ăn buổi trưa khi bóng mặt trời mới chéch khoảng hai ngón tay. Điều này phạm giới (Pacittiya 37) cấm không được dùng cơm trưa quá ngọ.

Gamantarakappa: Được phép đi đến ngôi làng khác và ăn bữa cơm thứ hai ở trong cùng một ngày. Phạm giới (Pacittiya 35) cấm ăn nhiều lần.

Avasakappa: Được phép cử hành lễ bố tát nhiều địa điểm trong cùng một cương giới điều này vi phạm về luật cư trú trong cùng một cương giới.

Anumatikappa: Có thể đưa ra quyết định về một sự việc mà việc làm ấy đã kết thúc. Điều này có nghĩa là phá vỡ kỷ cương tu viện.

Acinnakappa: Có thể làm việc theo tiền lệ, tức noi theo thể lệ của người trước đã làm. Điều này vi phạm kỷ cương tu viện.

Amatitthakakappa: Được phép dùng sữa hòa tan với nước sau bữa ăn. Điều này phạm giới (Pacittiya 35), cấm ăn nhiều lần.

Jalogim-Patum: Được phép uống rượu hòa với đường nước và chanh. Điều này phạm giới (Pacittiya 51), cấm uống rượu và các thứ chất men gây say.

Adasamkam-Nisidam: Được phép dùng toàn cụ không có viền. Điều này phạm giới (Pacittiya 89) cấm dùng các loại khăn, ra không có viền.

Jataruparajatam: Được phép nhận vàng, bạc. Việc này phạm giới Ni-tát-kì Ba-dật-đề 18. Cấm thọ nhận vàng bạc.

Như vậy kì kết tập đã tụng đọc lại Luật, Kinh và biên tập thành Pitaka, Nikaya, Anga và Dharmakandha. Theo tập Đảo sử trong thời gian ấy, các Tỳ-kheo tại Véali cũng triệu tập một Đại hội khác bao gồm gần 10.000 thành viên tham dự. Kì kết tập đó được gọi là Đại Kết tập.

Theo một số dữ liệu về các tập kinh điển lần thứ hai không chỉ đơn thuần là 10 phi pháp sự qua nhóm tỳ kheo Vajji mà còn liên hệ đến vấn đề giáo lý của Thượng Tọa bộ theo tài liệu của Ngài Paramartha (Chơn Đế), đại hội thứ hai

được tổ chức đúng 116 năm sau ngày Phật Niết-bàn tại kinh đô Hoa thị Thành, dưới triều đại của vua Kalasoka. Đại hội được đặt dưới sự chủ tọa của Baspa thành phần tham dự bao gồm cả A-la-hán và Tỳ-kheo.

Theo trường phái Phật giáo Samitiya (Chánh Lượng Bộ), sự ly khai giáo phái này xảy ra trong vài thập niên, sau kỳ kết tập kinh điển thứ hai người sáng lập phái Mahasanghika (Đại Chúng Bộ) là Bhadra, người cũng được biết với cái tên là Mahadeva có nghĩa là Đại Thiên. Người này đã đưa ra 5 lý thuyết về A-la-hán. Đại Thiên là con của một thương gia Bà-la-môn ở thành Matthura đã thọ giới ở tu viện Kukkutarama trong thành Pataliputra (Hoa Thị Thành), bằng lòng nhiệt tâm cao và những năng lực cá nhân ông đã nhanh chóng trở thành người đứng đầu của tổ chức có thể gọi là Sư trưởng và ông có một vị vua đang trị vì là bạn cũng là người bảo trợ của mình. Với sự giúp đỡ của nhà vua ông chủ trương nắm lý thuyết như sau:

- 1, A-la-hán có thể còn dính dục khi ngủ, còn triệu chứng xuất tinh.
- 2, A-la-hán có thể còn chút ít vô minh.
- 3, A-la-hán có thể còn ít nhiều nghi ngờ.
- 4, A-la-hán có thể vẫn ít nhiều mắc hạn chế về năng lực bởi vì họ vẫn cần sự giúp đỡ của người khác.
- 5, A-la-hán khi chứng đạt được đạo quả có thể bật tiếng ô hô.

Đây cũng là vấn đề tranh cãi bởi lẽ Thượng Tọa Bộ không chấp nhận quan điểm A-la-hán mà Đại Thiên đưa ra và như thế đã có sự phân chia bộ phái. Song phần lớn Luật tạng của các bộ phái không đề cập đến thuyết của Mahadeva.

Tóm lại, mặc dù vẫn còn một số bất đồng về nguồn sử liệu của Nam truyền và Bắc truyền nhưng phần lớn các nhà sử học đều nhất trí với kết luận rằng kết tập Vesali là một sự kiện lịch sử xác thực có ý nghĩa vô cùng quan trọng, được tổ chức khoảng một thế kỷ sau ngày đức Phật nhập niết bàn để giải quyết những tranh chấp liên quan đến giới luật, đây là kỳ kết tập có quy mô rộng lớn thành phần tham dự bao gồm phần lớn số Tỳ-kheo ở địa phương Ấn Độ thời bấy giờ.

Thành quả của đại hội giải quyết dứt điểm “*Thập phi pháp sự*” của một số tỳ kheo Vajji, đồng thời đưa đến sự rạn nứt trong nội bộ Phật giáo hệ quả của nó là tăng đoàn Phật giáo bị chia thành hai bộ phái Thượng Tọa bộ và Đại chúng bộ.

2.3.Kì Kết tập kinh điển lần thứ ba

Hội Đồng Kết Tập lần thứ Ba được tổ chức vào năm thứ 236 sau khi Hoàng Đế Asoka (A-Dục Vương) trị vì. Vị vua xứ Maurya đã trị vì từ Ấn Độ đến Kashmir, thung lũng sông Hằng và đến tận Madras ở phía Nam, đã trở thành một Phật tử và đã làm hết trong khả năng của mình, để giúp đỡ Phật giáo.

Sự bảo hộ của hoàng gia này đã thu hút hàng ngàn những kẻ dị giáo, ngoại đạo giả dạng khoác y vàng để được hưởng nhiều quyền lợi vật chất. Mặc dù sống cùng ở cùng các Tỳ kheo, nhưng họ luôn thuyết giảng những giáo lý sai lạc và tạo ra nhiều phức tạp, rối rắm trong Tăng Đoàn. Vì số lượng của những kẻ dị giáo rất lớn và sự vô kỷ luật của họ, cho nên các Tỳ kheo không thể nào tổ chức các lễ Uposatha (Lễ Bố-Tát, họp mặt, ôn tập và tụng đọc Giới Luật Tỳ kheo Patimokkha) và cả lễ Pavarana (Lễ Tự Tứ) trong suốt 7 năm trời.

Khi vua Asoka phái một đại thần của mình đi để điều tra sự thật và giải quyết vấn đề này, vị quan này đã hiểu lầm mệnh lệnh của vua trong khi thực hiện nhiệm vụ giết chết nhiều tu sĩ. Khi nghe được chuyện sai trái đó, vua Asoka trở nên vô cùng hối hận và ám ảnh trong tâm rằng chính mình đã gây ra tội lỗi.

Ngài đi thỉnh vấn nhiều vị Tăng về vấn đề này, cuối cùng cũng gặp được Ngài Moggaliputta Tissa- một cao Tăng Trưởng lão đức độ và tài năng đang ẩn cư, tọa lạc trên Núi Ahoganga ở thượng lưu sông Hằng. Nhà vua đã thỉnh mời Ngài Tissa về kinh thành, đích thân cung đón Ngài và tại đây vua đã cởi mở được nghi nan trong lòng, Ngài Tissa còn giảng dạy những giáo nghĩa cơ bản của Phật Pháp cho vua Asoka.

Sau đó vua Asoka ra sắc lệnh triệu tập đại hội Tăng già gồm Tỳ-kheo của tất cả bộ phái Phật giáo đương thời với mục đích giải quyết những tệ nạn đang hiện hành trong nội bộ Tăng già Phật giáo và trả lại sự thanh tịnh cho Phật pháp. Trước khi diễn ra chính thức Đại hội kết tập lần ba những Tỳ-kheo giả danh, tu sĩ ngoại đạo bị trục xuất ra khỏi Tăng đoàn. Sau đó, Trưởng lão Tissa tuyển chọn 1.000 tỳ-kheo tinh thông kinh luật để kết tập và biên soạn lời dạy chân chính của đức Phật.

Trải qua 9 tháng làm việc Trưởng lão Tissa và Hội đồng tỳ-kheo đã kết tập hoàn tất Tam tạng kinh điển. Trong đại hội này, Ngài Tissa đã trình bày và biên soạn bộ luật Kathavatthu Pakarana với mục đích chỉ ra tất cả quan điểm sai lầm của ngoại đạo và loại bỏ chúng ra khỏi hệ thống giáo lý Phật giáo. Trong kỳ kết tập này Đức vua Asoka đã cho các phái đoàn Tỳ-kheo đi truyền đạo khắp đất nước Ấn Độ và nhiều quốc gia thuộc lãnh thổ châu Á, Châu Phi và Châu Âu nhà vua còn cho hai người con của mình xuất gia là Tỳ Kheo Malinda và Tỳ-kheo ni Sanghamitta sang Tích Lan để truyền đạo, cảm hóa toàn thể nhân dân của đảo quốc này quy y Phật pháp.



Ảnh minh họa (sưu tầm).

2.4.Kỳ kết tập kinh điển lần thứ tư

Có nhiều Thuyết đề cập đến kỳ kết tập này như trong Bà Tẩu Bàn Đậu pháp sư truyện hay trong tư liệu còn ghi lại đầy đủ trong Đảo sử. Nhưng tư liệu lấy từ Tây Vực ký, một tác phẩm viết khá súc tích, khúc chiết và chặt chẽ, khá nổi tiếng, nhất là về phương diện sử liệu, gần như hầu hết các học giả đều công nhận học thuyết này.

Lý do kết tập: vì chư Tăng của các bộ phái có những kiến giải bất đồng về kinh điển, nên mới mở đại hội kết tập.

Thời gian kết tập: Khoảng 400 năm sau Phật Niết Bàn.

Địa điểm kết tập: tại thành Ca Thấp Di La (Kasmira), tên cũ gọi là Kế Tân, nước Kiền Đà La (Gandhara) thuộc miền Tây Bắc Ấn Độ.

Vị chủ tọa cuộc kết tập: Tôn giả Thế Hữu (Vasumitra) với sự trợ thủ của Hiệp Tôn Giả.

Số người tham dự kết tập: 500 vị Hiền thánh (kể cả vị chủ tọa) đã đạt địa vị vô lậu, tức quả A la hán.

Người khởi xướng cuộc kết tập: vua Ca Nị Sắc Ca (Kanishka), vị hộ pháp được xem là có công tương đương với hoàng đế A Dục.

Thành quả cuộc kết tập: Soạn ra ba bộ luận: kinh số, luật số, và luận số, gồm ba mươi vạn bài tụng, 9.600.000 lời.

Phương thức bảo quản: Vua ra sắc lệnh sai thần Dục Xoa bảo vệ không cho ngoại đạo hay người nào mang bộ luận này ra khỏi nước.

Kì kết tập này đánh dấu sự kiện đầu tiên Tam Tạng kinh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sankrit- ngôn ngữ lúc bấy giờ.

2.5.Kỳ kết tập kinh điển lần thứ năm

Sau lần kết tập pháp tạng thứ 4 đúng 2015 năm thì đến lần kết tập pháp tạng thứ 5 diễn ra dưới triều vua Mindon (1852-1877).

Năm 1824, thực dân Anh xâm lược Myanmar, và chiếm được vùng biển ở Hạ Miến bằng kí hòa ước Yandabo. Không chỉ dừng lại ở đó, với tham vọng thôn tính toàn bộ Miến Điện để nối liền Calcutta với Singapo, Anh tiếp tục tìm kiếm các cơ hội để tiến hành gây chiến tranh giành đất.

Trong khi đó, nội bộ vương quốc Miến Điện lại thường phát sinh những cuộc đảo chính và cướp ngôi. Năm 1852, Mindon lên ngôi vua. Ngay sau khi lên ngôi, Mindon đã ký kết giảng hòa với Anh, cắt toàn bộ Hạ Miến, bao gồm cả các vùng duyên hải cho Anh cai trị. Vua dời kinh đô về Mandalay, phong Ngài Pannajotabhidhaja là Quốc sư. Trong suốt 25 năm trị vì (1852-1877), về mặt chính trị, không hề xảy ra chiến tranh, mong muốn phục hưng quốc gia nhưng thời thế khiến ông không toại nguyện.

Về Phật giáo, nhờ nhà vua dốc lòng tin và nhiệt tình hộ pháp nên Phật giáo được phát triển một bước. Nguyên nhân dẫn đến kỳ kết tập: Sau khi Hạ Miến bị xâm chiếm, nhiều vị Tỳ-kheo chạy lên Thượng Miến. Bấy giờ, sự tu tập của hai vùng có khác nhau. Viện chủ ở vùng Hạ Miến chủ trương Tăng già không cần đến sự che chở của chính quyền thế tục, chủ trương giữ giới hạnh nghiêm ngặt, lấy tâm tu làm chính, không cần thiết lễ nghi.

Trong khi đó, viện chủ ở vùng Thượng Miến chỉ nhiều hình thức tu tập đương thời và chủ trương cần thiết phải triệt để thẩm định lại giáo lý. Ông cùng với các Tỳ-kheo khác rời bỏ kinh đô, vào sống trong rừng, lấy pháp tu Thiền là cốt tủy đối với giới Tỳ-kheo, quan trọng hơn cả tu tập.

Một viện chủ khác cũng chủ trương phong trào về nguồn là Thinnagar Sayadaw. Ông được nhà vua trọng vọng và là thành viên Hội đồng Thudhamma nhưng lại thích sống trong núi rừng u tịch. Ông không tham gia vào các cuộc tranh cãi, chủ trương kiên trì tuân giữ giới hạnh thuần khiết nhất theo đúng Luật

tạng. Vua Mindon khó xử trước áp lực đòi cải cách đi quá xa như việc chi phái ở Hạ Miến muốn thoát khỏi thế quyền, nhà vua quyết định không để cho Tăng già chia rẽ, công khai chống đối nhau. Nhà vua đã tổ chức cuộc kết tập kinh điển lần thứ 5.

Diễn biến và thành quả của kỳ kết tập: Theo sự ghi chép của Pàli giáo sử chương 6 và sử Miến Điện; vào 1871, vua Mindon đứng ra triệu tập 2400 vị cao tăng, cử hành kết tập Tam tạng giáo điển lần thứ V, tại thủ đô Mandalay, chính quốc vương làm người hộ pháp.

Lần kết tập này lấy Luật tạng làm trung tâm, khảo đính đối chiếu những điểm dị đồng của thánh điển, rồi đại chúng cùng đọc tụng, trải qua năm tháng mới hoàn thành. Sau đó nhà vua truyền lệnh đem văn tự của Tam tạng đã được kết tập sắp xếp theo thể loại, rồi cho khắc trên 729 khối đá hình vuông và đem cất vào trong chùa tháp Câu-tha-đà (Kuthodaw), dưới chân núi Mạn-đức-lặc và cho xây 45 tòa tháp Phật bao quanh ở bên ngoài. Thành quả kết tập này vẫn còn được bảo quản tại cố đô Mandalay, cho đến ngày nay.

Kỳ kết tập này nhắc nhở mọi người dân Miến Điện thấy tầm quan trọng của tôn giáo cũng như vai trò nhà vua và Hội đồng Thudhamma của các cao tăng trong việc giữ gìn đạo pháp. Như vậy, nhìn chung quá trình các kì kết tập đều trải qua ba giai đoạn đọc tụng, cùng nhau thẩm định và thứ tự biên tập thông qua bởi hội đồng Tăng già có thẩm quyền. Riêng hai kì kết tập đầu hầu hết các luật đều công nhận như Tăng-kỳ Luật, Đồng Diệp Luật, Ngũ Phần Luật, Tứ Phần Luật, Thập Tụng Luật, Căn Hữu Luật Tập Sự, Tỳ-ni-Ma-đắc-lặc-già, Tỳ-ni Mẫu Kinh.

Mỗi kì kết tập luôn có một vị chủ tọa uy đức, chúng tăng thanh tịnh và vị vua hộ trì hết lòng tận tâm để thành tựu phật sự. Trải qua các kì kết tập đã bảo tồn và giữ gìn được lời Đức Phật dạy cách đây hơn 2500 năm lịch sử vẫn còn mang giá trị thiết thực, quan trọng và ý nghĩa cho nhân loại. Mỗi kì kết tập đều đóng một vai trò nhất định cần và đủ để hình thành nên Tam tạng Thánh điển cho tới hôm nay.



Ảnh minh họa (sưu tầm).

3. Vai trò của các kì kết tập trong kinh tạng Phật giáo

3.1. Biên tập, gìn giữ và lưu truyền lời dạy của đức Phật

Kể từ khi vắng đức Phật và các đại đệ tử, Phật giáo thường phải đối đầu với những tình trạng đen tối với những diễn dịch sai lạc, bên cạnh đó còn có những thành phần bất hảo trong Tăng đoàn. Tuy nhiên may mắn có những vị Trưởng lão Thánh Tăng từng thời kỳ đã mang trách nhiệm và quan tâm đến việc gìn giữ và phát huy nền đạo pháp.

Do đó, những thời kỳ kết tập kinh điển ra đời để bảo tồn các lời dạy của đức Phật. Kể từ lần kết tập đầu tiên đã ổn định về nhiều mặt từ hình thức đến đời sống Tăng già, có Chính Pháp để nương theo tu tập tự lợi và lợi tha, có giới luật làm Thầy, mỗi nửa tháng bố tác, thuyết giới duy trì ba tháng an cư là nếp sống được duy trì từ sau khi đức Phật nhập diệt.

Hình thành Tam Tạng kinh điển là sự kết tập của tám muôn bốn ngàn pháp môn đối trị tám muôn bốn ngàn tâm bệnh cho chúng sinh để từ đó khế lý, khế cơ trong quá trình tu tập và hoằng truyền chính Pháp cứu độ chúng sinh được lâu dài ở Thế gian thoát khỏi luân hồi khổ đau như nguyện lực ra đời của đức Phật.

Sau khi biên tập lại giáo Pháp và giáo Luật để truyền tụng và ghi nhớ, những bậc Tỳ kheo cao niên, Trưởng Lão, đã xếp đặt một cách hệ thống, sao cho một số lượng Tỳ kheo ở gần nhau trong một địa phương (hay xứ sở) được giao trách nhiệm ghi nhớ một số phần nào đó của giáo Pháp và giáo Luật bằng tiếng Magadhi (Ma-kiệt-đà) và nếu kết hợp tất cả những phần được giao cho những nhóm trong một địa phương, thì Tăng Đoàn ở địa phương đó sẽ có khả năng cùng nhau đọc tụng lại tất cả giáo Pháp và giáo Luật (Kinh Tạng và Luật Tạng).

Điều này được xác thực trong Kinh Gopaka Moggallana (thuộc Trung Bộ Kinh Majjhima-Nikaya), trong đó Ngài Annada đã nói rằng: Sự hòa hợp của Tăng Đoàn (Sangha) chính là sự việc các Tỳ kheo ở cùng một làng mạc, địa phương sẽ tuân thủ nghi luật và thực hiện việc họp mặt với nhau 2 tuần một lần để tụng đọc và thực hiện Luật Giới Bốn Tỳ Kheo (Patimokkha).

“Này Bà-la-môn, đã có điều lệ huấn thị do Đức Thế Tôn lập ra: Luật Giới Bốn Tỳ Kheo đã lập thành nghi luật. Trong những ngày bố tát (Uposatha) tất cả chúng tôi ở gần chung một thôn (làng, địa phương...-ND) đều hội họp với nhau tại một chỗ; sau khi họp mặt, chúng tôi mời từng người được chọn [để tụng đọc Luật Giới Bốn Tỳ Kheo- Patimokkha]. Nếu trong khi đọc tụng, một Tỳ kheo nhớ lại mình có phạm tội hay phạm giới nào, thì chúng tôi bảo vị ấy tuân theo đúng giáo Pháp, như đúng lời dạy. Chúng tôi không phải lo xử sự với các phán quyết của các tôn giả (trưởng lão). Mà thật ra, chính Giáo Pháp xử sự chúng tôi”.

Như vậy, đã tạo tiền đề, nền tảng để Tăng già tu tập hành theo những gì đã được kết tập trong thanh tịnh, hòa hợp, đoàn kết. Giới luật làm Thầy sau khi đức Phật nhập diệt, pháp, an cư, bố tát, tự tứ được duy trì đây cũng là sức mạnh Tăng già được bảo hộ bởi Pháp và Luật của đức Phật. Mỗi khi có một nguyên nhân xảy ra để diễn biến tới một hội nghị kết tập là khoảng thời gian cần thiết để tránh sự quên lãng, mất mát, hoặc không được đồng bộ giữa các vùng của Phật giáo.

Từ truyền khẩu đến lúc kết tập thành Tam tạng bằng chữ viết luôn có thành phần Chư Thánh Tăng chứng A-la-hán với số lượng từ 500 vị trở lên ở các kì kết tập để tránh sự sai sót, không đồng bộ. Việc này rất hợp tình hợp lý là trọng trách lớn lao của chúng đệ tử xuất gia phải gánh vác.

Ý nghĩa hình thức là họp tụng lại pháp, luật và kinh rồi đại chúng cùng thẩm định xác nhận là do Đức Phật thuyết và chế ra, sau đó mới phân loại. Mà ban đầu, ở kì kết tập lần thứ nhất chủ trì việc kết tập giới luật do tôn giả Ưu-ba-li, chủ trì kết tập kinh Pháp do tôn giả A-nan.

Sau kì kết tập này hình thành nên kinh- luật và một phần luận. Lời tuyên bố của Trưởng lão Ca-diếp không được thêm hoặc bớt giới luật Đức Phật đã chế ngăn ngừa được những hệ quả làm ảnh hưởng đến Giới luật bởi sự thêm, bớt của người sau, không thể kiểm soát. Vì Giới Luật là mạng mạch của Phật pháp. Ở kì kết tập lần thứ hai đưa đến sự phân chia bộ phái nhưng theo nghiên cứu của Ngài Ấn Thuận trong Lịch Sử Tư Tưởng Ấn Độ đã ghi rằng : *“do chủ trương ‘khinh trọng đều giữ’ nên đối với những vấn đề nhỏ nhặt, như việc ăn uống thì các Thượng Tọa phía Tây lại xem trọng vô cùng, cần phải giữ gìn nó như giới trọng. Tỳ-kheo miền đông thì xem trọng những giới căn bản, không câu nệ vào những điều chế nhỏ nhặt. Do hai bên thống nhất lấy đại chúng làm trọng và tôn kính các bậc Thượng tọa nên cuối cùng dẫn đến sự phân chia thành hai bộ phái”*

Không thể lấy những cái bất đồng của bộ phái do đời sau truyền lại mà suy luận ra tình hình phân chia lúc ban sơ, vì tư tưởng của mỗi bộ phái đều có sự phát triển và thay đổi. Sự phân chia như một định luật tất yếu đúng với giáo lý Duyên Khởi Đức Phật dạy: *“Cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không; Cái này sinh thì cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia diệt”*. Sự phân chia này về sau cũng đã làm cho tinh thần Phật giáo trở nên linh hoạt, uyển chuyển theo thời đại, quốc độ, xã hội con người mà không làm mất đi bản chất Phật giáo.

Theo tiến trình của lịch sử thì sự phát triển của xã hội kéo theo nhiều thay đổi; Sự phân chia bộ phái có mầm mống, phôi thai từ thời đức Phật mà trong kinh Nikaya đã đề cập thì thời điểm này đã đủ điều kiện để hình thành và phát triển về sau, nhưng sự phân chia này không mang ý nghĩa tiêu cực mà vai trò của nó là thích ứng với lịch sử của thời đại để Phật giáo tồn tại và phát triển.

Hòa Thượng Thích Quảng Độ đã viết trong lời tựa của sách Nguyên Thủy Phật giáo tư tưởng Luận: Giáo pháp Đức Phật như cái cây có ba phần, phần gốc, thân, ngọn bao gồm nhiều cành lá; tượng trưng cho cây Phật giáo cũng ba phần là phần căn bản, Tiểu thừa và Đại thừa hợp lại. Không thể thiếu một bộ phận nào trong ấy.

Sang kì kết tập lần thứ ba, hơn hai thế kỉ sau ngày Phật nhập diệt dưới thời vua Asoka kết quả của kì kết tập không những chỉ củng cố thêm đầy đủ vào trong Tam Tạng Thánh điển nhất là ở phần Luận Tạng. Thời kì này cũng đã xa dần kể từ ngày đức Phật nhập diệt, theo thời gian phải cần kết tập trước tình hình xã hội có sự lẫn lộn nhiều thành phần trong Tăng đoàn, giáo đồ đạo Phật và Bà-la-môn luôn xảy ra những cuộc tranh luận, hai bộ Thượng Tọa và Đại Chúng cũng có quan điểm bất đồng về lý thuyết hữu vô trên phương tiện truyền giáo.

Vua Asoka đã cho mở kì kết tập lần thứ ba để minh định lại giáo nghĩa. Việc này đã tác khởi ngọn gió từ bi đang lan tràn trong công cuộc truyền bá Phật giáo, mà hiện thời quần chúng các nơi được gội nhuần ánh sáng chân lý. Đặc biệt là qua kì kết tập nhà vua đã tổ chức phái đoàn Tỳ-kheo đi truyền đạo khắp đất nước Ấn Độ và nhiều quốc gia ở các nước Châu Á, châu Phi và châu Âu trong đó có hai người con của vua Asoka là Tỳ-kheo Mahinda và Tỳ-kheo ni Sanghamitta sang Tích Lan truyền đạo và cảm hóa trở thành quốc giáo ở nước này duy trì truyền thống Thượng tọa bộ cho đến ngày nay.

Chính nhờ vào hoạt động của các phái đoàn truyền bá ấy mà Phật giáo đã trở thành tôn giáo mang tính toàn cầu, để lại những dấu son trong các nền văn hóa mà Phật giáo từng du nhập và hiện hữu. Kì kết tập lần thứ tư kinh điển được bảo tồn sang hình thức dưới dạng chữ viết, điều này đã hỗ trợ cho việc gìn giữ và lưu truyền được tiện lợi, đảm bảo hơn những lời đức Phật dạy về lâu dài.

3.2. Khiến chính pháp tồn tại lâu dài ở thế gian

Qua các kì kết tập là sự thật có trong sự kiện lịch sử, ngày giờ, địa điểm cụ thể để xác minh lời dạy đức Phật để tạo niềm tin vững chắc cho hàng đệ tử xuất gia, tại gia có niệm kính tín đối với ba ngôi Tam Bảo; cũng như những người khác có căn cứ nghiên cứu tìm hiểu về đạo Phật. Đệ tử xuất gia nương theo giáo pháp, giới luật trên nền tảng đó để luôn ổn định, thanh tịnh đạo tràng, trang nghiêm hội chúng qua các pháp Yết ma, Bố tát,...

Chúng Tỳ-kheo tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm Tăng sự trong niệm đoàn kết thời chúng Tỳ-kheo được lớn mạnh, không bị suy giảm. Theo tinh thần kết tập đó, ngày nay Phật giáo vẫn giữ truyền thống tổ chức Hội nghị Phật giáo nhằm hội thảo những vấn đề giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong đời sống và đề xuất những tư tưởng, hành động thực tiễn để phù hợp và hội nhập trong đà tiến khoa học- kĩ thuật và phát triển của xã hội. Đem Phật giáo hòa nhập làm lợi lạc quần sinh, Phật giáo hóa nhân gian.

Với tự thân mỗi hành giả nỗ lực tu tập đạt mục đích cứu cánh tự lợi và lợi tha; tự giác, giác tha. Hàng đệ tử tại gia nương vào nguồn kinh điển Phật để lại, qua đây có niềm tin sâu sắc trong Chính pháp, niệm tôn kính đối với ba ngôi Tam bảo, nên có tinh thần tích cực trong sự hộ pháp và hành trì pháp. Tóm lại đời là bể khổ, chính pháp của Phật tồn tại ở thế gian không ngoài mục đích cứu khổ và chỉ ra con đường thoát khổ.

3.3. Nhận định

Về thời gian các kỳ kết tập đã giữ gìn lưu truyền lời dạy của đức Thế Tôn từ thế hệ này sang thế hệ khác trong suốt quá trình lịch sử nhưng Phật giáo vẫn tồn tại đồng hành, vẫn sáng soi cho con người mãi đến hôm nay, thế giới với kỉ nguyên của khoa học kỹ thuật đang phát triển mạnh mẽ.

Dù biết bao biến cố thăng trầm đạo Phật vẫn rõ ràng trong mục đích đem lại lợi ích và giải thoát khổ đau cho cuộc đời, khẳng định giá trị chân lý cho nhân sinh hướng đến an lạc hạnh phúc hay cái chân thiện mỹ đích thực. Những mốc thời gian lịch sử ghi lại lưu dấu ấn các kỳ kết tập diễn ra mà vai trò của nó như một định luật tất yếu ra đời để hình thành giáo pháp của Phật lưu truyền trên thế gian.

Vào kỳ kết tập đầu tiên, ngay sau khi đức Phật vừa nhập diệt liền được kết tập lại những lời dạy của Ngài trong 45 năm hoằng hóa, để không bị thất thoát theo thời gian thì kết tập lần hai, lần ba, lần bốn,..lần lượt được tổ chức sau khoảng cách chừng 100 năm hoặc hơn 100 năm sau đó vừa để ôn lại, vừa kiểm chứng và biên tập hệ thống một cách hoàn bị hơn giáo pháp của đức Phật.

Về không gian được kết tập trên quê hương nơi đức Phật đã hoằng truyền chính pháp và được mở rộng phạm vi ra các nước lân cận ở Ấn Độ theo hai con đường và trở thành hai truyền thống Bắc truyền và Nam truyền. Ngày nay thì Phật giáo đã có mặt ở khắp các nước Đông Nam Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam, Miến Điện v.v. và được truyền bá đến các nước phương Tây.

Về mục đích vì giữ gìn mạng mạch phật pháp mà khi có bất kỳ duyên khởi nào dẫn đến sự tranh luận chia sẻ ảnh hưởng đến sự hòa hợp, thanh tịnh trong tăng đoàn thì lúc ấy nhu cầu cần có kỳ kết tập để duy trì sự hòa hợp, loại bỏ ý kiến khác nhau, cùng nhau thảo luận, xác định ý nghĩa chân chính của giáo pháp và giới hạnh nhằm tránh sự phân hóa của Tăng đoàn như trong kinh Đức Phật dạy: *“Chúng ta nay phải kết tập Kinh Luật để tránh sự tranh luận khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài, đem lại nhiều lợi ích”*.

Đặc biệt qua các kỳ kết tập việc giữ gìn bảo tồn ngôn ngữ Pali, nguồn gốc để truy tìm lại ngôn ngữ trong thời đức Phật đã sử dụng, theo nhiều nguồn nghiên cứu của các học giả, các nhà ngôn ngữ học đang tìm hiểu về ngôn ngữ kinh điển mà qua các kỳ kết tập đã có những gợi mở, suy đoán khách quan và khoa học cho ta thấy nguồn gốc hình thành và phát triển kinh điển Phật giáo từ khẩu truyền đến chữ viết có một nhất quán trong ngôn ngữ.

Theo các nhà nghiên cứu lần kết tập đầu tiên do hai đệ tử được đức Phật xác định là đa văn đệ nhất và trì luật đệ nhất, hai tôn giả và các thành viên trong hội đồng chắc hẳn sử dụng ngôn ngữ Magadhi mà đức Phật đã sử dụng để

tuyên thuyết trong kì kết tập lần thứ nhất bởi vì tất cả đều là những người vừa mới học giáo pháp từ chính đức Phật.

Trong lần kết tập thứ hai những Tỳ-kheo tại miền Tây và miền Đông đều tập hợp lại để nghe tụng đọc tạng kinh và tạng Luật ở Vesali. Tất cả tám trưởng lão đã được chọn ra để giải quyết vấn đề ‘mười điều’, đều là đệ tử trực tiếp của hai Ngài Ananda và Anuraddha nổi tiếng nên chắc hẳn họ đã dùng cùng một ngôn ngữ Magadhi để đọc tụng lại giáo pháp và giới luật. Vào kì kết tập lần thứ ba do Ngài Moggaliputta Tissa tổ chức ở Pataliputta cũng đã bảo lưu ngôn ngữ nguyên gốc theo truyền thống dòng dõi làm thầy về Luật tạng của mình (luật sư-Acaryaparampara).

Vì vậy, khi Tỳ-kheo Mahinda và những thành viên khác của Tăng đoàn được phái đi truyền bá giáo pháp của đức Phật ở Tích Lan chắc hẳn giáo đoàn truyền đạo này cũng sẽ truyền bá giáo pháp bằng ngôn ngữ của hội đồng kết tập kinh điển thứ ba để duy trì sự tương đồng và tính tiếp nối tránh những diễn dịch sai lệch. Khi kỳ kết tập thứ tư được tổ chức và được khắc bằng chữ viết trên lá bối, tất cả những mẫu chữ viết đều được kiểm tra một cách cẩn thận để chắc chắn về tính chất xác thực, chính xác của chúng.

Đó là cách và quá trình mà ba tạng Kinh Pitaka đã được bảo tồn cũng chính nhờ vào tầm nhìn xa trông rộng và những cố gắng không mệt mỏi của những bậc Trưởng lão Tỳ-kheo lỗi lạc, mà từ đó cho đến tận ngày nay không có ai hay một tu sĩ, học giả nào thêm bớt làm mai một chính pháp đích thực.

Cho đến vào thế kỷ thứ V, Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) sinh tại nước Magadha (Ma-kiệt-đà), năm 432 Tây lịch, Ngài sang Tích Lan, trú tại Mahāvihāra (Đại Tự), theo Trưởng lão Sanghapāla Thera nghiên cứu Thánh điển tại chùa ấy, rồi dịch sang tiếng Pāli, Ngài đã soạn và chú giải nhiều bộ Luật, đem giáo nghĩa của Thượng tọa bộ soạn thuật thành hệ thống hoàn chỉnh, dịch bốn bộ nikaya từ tiếng Sinhala của Tích Lan sang tiếng Pāli. Đến khi ấy Tam Tạng Pāli mới cực kì hoàn bị.

Vai trò kết tập Kinh Điển hay thực sự là vai trò trách nhiệm của Tăng già giữ gìn Chính Pháp của Đức Thế Tôn. Không có chư Thánh Tăng kết tập, không có sự giữ gìn và bảo vệ Chính pháp ấy thì nhiều thế kỉ trôi qua Pháp Bảo có lẽ đã mai một trước sức mạnh tàn phá của ngoại đạo ngay trên Chính quê hương của đức Phật, cách thời gian, cách không gian, hoàn cảnh thế nhưng Chính Pháp Phật vẫn đứng vững chân lí, có khác chẳng là linh động và uyển chuyển trong phương tiện hoằng truyền để đem lại lợi ích cho chúng sinh.

4. Kết luận

Các kì kết tập đóng vai trò vô cùng quan trọng vô cùng cần thiết để tồn tại Phật Pháp lâu dài ở thế gian, nó như là gia tài của đức Phật để lại sau khi Ngài vào cõi tịch tĩnh vô dư Niết-bàn. Đó là giáo lý căn bản, là kim chỉ nam, là con đường giải thoát mà đức Thế Tôn chỉ ra để chúng sinh biết lối thoát khỏi cõi luân hồi khổ trong ba cõi.

Trước lúc đức Phật nhập Niết-bàn, Ngài đã phó chúc: Hãy nương vào giáo pháp, lấy giáo pháp làm hòn đảo và tự mình nỗ lực hành trì Pháp để được giác ngộ và giải thoát. Thông qua các kì kết tập càng hiểu hơn về một lịch sử Ấn Độ - nơi đức Phật sinh ra, trải qua nhiều biến cố, Phật pháp vẫn đồng hành cùng nhân sinh và có lẽ cho đến bao lâu chúng sinh còn đau khổ Phật pháp vẫn sẽ là chỗ tựa nương vững chắc, là chiếc phao cứu vớt trong biển đời đau khổ này.

Cổ máy thời gian có thể xóa nhòa, hoặc làm mờ phai đi những gì hiện hữu, giáo Pháp của đức Phật cũng sẽ không ngoại lệ, dễ bị tan hoại nếu không có các kì kết tập kinh điển, sẽ bị mai một, bị tam sao thất bản; nếu không có những bậc Thượng thủ trong Tăng già giữ gìn tiền đồ mạng mạch của Phật pháp và sự hộ pháp đắc lực của những vị lãnh đạo đất nước tối cao ủng hộ kịp thời để các kì kết tập được diễn ra.

Với những kì kết tập đó giữ vai trò nền tảng cho ngôi nhà Phật pháp được xây dựng và phát triển trường tồn cùng thời gian trải qua bao nhiêu thế cuộc và lan rộng ở các quốc gia đóng góp cho nhân loại giá trị khoa học, văn hóa, nghệ thuật, đạo đức v.v.; đem lại sự hòa bình và cả con đường tu tập giải thoát cho những ai thực hành tu tập. Nếu không có các kì kết tập thì Phật giáo đã không thể tồn tại và phát triển cho tới ngày hôm nay. Việc nghiên cứu sâu sắc các kì kết tập là nội dung không thể thiếu cho những ai muốn tìm hiểu Đạo Phật trong quá trình hình thành và phát triển.

Tìm hiểu kết tập để thấy nguồn gốc kinh điển được lưu truyền như thế nào ở mỗi thời đại, mỗi địa phương, mỗi tông phái, từ đó người học Phật càng tinh tấn trên con đường đạo. Kinh điển không dễ dàng có được và lưu truyền đến ngày nay, đã có biết bao tâm huyết của Chư vị Tăng già vì đạo Pháp hi sinh, càng phát huy giá trị Tăng Bảo xứng đáng với ba ngôi báu ở thế gian. Chư vị tiền bối đã để lại những viên ngọc vô cùng giá trị và Chính Pháp có xương minh là nhờ Tăng Già hòa hợp, nếu như mặt Pháp thì đó cũng là sư tử trùng thực sư tử nhục mà thôi. Đó là lí do để mỗi đệ tử xuất gia đang ngồi trên ghế nhà trường như chúng con cần suy nghĩ và tự thân nỗ lực tu tập nhiều hơn nữa để có thể đền đáp tứ trọng ân trong muôn một.

Tài liệu tham khảo:

1. Tam Tạng Việt Ngữ, Tiểu phẩm II (Cullavagga), (2017), Nxb Tôn Giáo.
2. Đại Tạng Kinh Việt Nam, Kinh Trung Bộ, Tập 1, (2000), VNCPHVN.
3. Kinh Tương Ưng Bộ (2020), Tam Tạng Thượng Tọa Bộ, Nxb Hồng Đức.
4. Hạnh Bình (Việt dịch) (2015), Nxb Phương Đông.
5. Trần Hữu Danh (2017), Sự Tích và Triết Lí Đức Phật Thích Ca, Nxb Văn Hóa-Văn Nghệ.
6. Thích Đồng Thành (2022), Giáo trình Sự Hình Thành và Phát Triển Kinh Điển Phật Giáo. (Lưu hành nội bộ)
7. Ấn Thuận, Lịch sử Tư Tưởng Phật Giáo Ấn Độ, Thích Quảng Đại biên dịch (2018), Nxb Hồng Đức.
8. Ấn Thuận, Lịch Sử Biên Tập Thánh Điển Phật Giáo Nguyên Thủy, Thích Phước Sơn
9. Tam Tạng Trần Huyền Trang, Đại Đường Tây Vực Ký Bút Ký Đường Tăng, Nhuế Truyền Minh (chú giải), Lê Sơn (biên dịch) (2007), Nxb Phương Đông.
10. Viên Trí (2009), Ấn Độ Phật Giáo Sử Luận, Nhà xuất bản phương Đông.
11. <https://buocdauhocphat.com/y-nghia-cac-ky-ket-tap-kinh-dien>.
12. <https://thuvienhoasen.org/a13269/kiet-tap-kinh-dien>.